

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/DS-ST
Ngày: 28/4/2023.
V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Vân Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Thông

Bà Nguyễn Thị Kim Phương.

Thư ký phiên tòa: anh Nguyễn Phi Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/TLST-HNGĐ ngày 09/02/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/QDST-HNGĐ ngày 07/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1981. Địa chỉ: số 103 đường Ngô Quyền, khu phố BV, phường B, thành phố L, tỉnh ĐN, là nguyên đơn.

- Bị đơn: Anh Lê Minh S, sinh năm 1978. Địa chỉ: tổ 26, khu phố 2, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:

Chúng tôi kết hôn từ năm 2004 tại UBND phường X, thị xã L (nay là phường X, thành phố L), tỉnh ĐN. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chồng, sau này nhà chồng bán nhà nên hai vợ chồng thuê nhà trọ ở. Sau khi sinh đứa con đầu lòng hai vợ chồng đã không có tiếng nói chung, cãi nhau về tiền bạc, anh S không lo làm ăn nhưng tôi vẫn cố gắng hòa hợp chung sống với chồng. Tuy nhiên thời sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, nguyên nhân là do anh S không lo làm ăn, chỉ ham chơi bài bạc, không phụ giúp gì cho tôi về kinh tế, một mình tôi phải đi làm nuôi 03 con ăn học, anh S không hề quan tâm đến tôi và các con, mặc dù tôi đã khuyên rất nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi, vẫn ham chơi nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Do

mâu thuẫn cãi vã thường xuyên nên tôi đã đưa 03 đứa con về ở chung với mẹ ruột tôi hơn 01 năm nay, còn anh S ở một mình ở nhà trọ. Từ đó đến nay anh S không đến gặp vợ con, anh có điện thoại nhưng do tôi đi làm không nghe máy được. Anh cũng không đến nhà mẹ ruột tôi nơi tôi và các con đang ở để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay tôi xác định không còn tình cảm gì với anh S nên cương quyết ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Lê Nguyễn Minh H sinh ngày 30/12/2004, Lê Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 16/4/2007 và Lê Nguyễn Thanh A, sinh ngày 01/01/2009. Khi ly hôn tôi yêu cầu nuôi cháu H1 và A, không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, bị đơn anh Lê Minh S trình bày:

Tôi thừa nhận vợ chồng có cãi vã nhưng không thường xuyên. Tôi xác định trước đây tôi có ham chơi bài bạc nhưng giờ không còn nữa. Quá trình chung sống vợ chồng cũng có cãi nhau về chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Bản thân tôi cũng đi làm phụ hồ nhưng không thường xuyên, có khi một tháng làm được 01 tuần hoặc 10 ngày, khi đi làm có tiền tôi cũng phụ vợ một ít. Tôi thừa nhận kinh tế gia đình mạnh ai nấy xài, con cái thì ăn uống ở nhà mẹ vợ tôi. Khi vợ tôi xin tiền cho con ăn sáng tôi cũng cho. Tôi xác định vợ tôi đã đưa các con về nhà mẹ ruột ở hơn 01 năm nay và vợ chồng không sống chung đến nay, tôi không đến nhà mẹ vợ gặp vợ tôi hàn gắn nhưng tôi có đến công ty nơi tôi làm việc hai ba lần nhưng vợ tôi không muốn nói chuyện với tôi. Lý do tôi không đến nhà mẹ vợ để nói chuyện với vợ là do tôi nghĩ tôi không hợp với mẹ vợ.

Tôi muốn hàn gắn tình cảm với vợ, tôi không muốn ly hôn. Nếu Tòa án cho ly hôn tôi muốn được nuôi hai con chung là cháu Lê Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 16/4/2007 và Lê Nguyễn Thanh A, sinh ngày 01/01/2009, tôi không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

** Toàn bộ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và Tòa án thu thập đã được công khai theo đúng quy định pháp luật.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh ĐN phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thủ tục tố tụng được Tòa án tiến hành đúng quy định; quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo. Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, có đơn xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử. Bị đơn chỉ có 1 lời khai tại tòa án và đơn xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ kiện.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh S tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ vào Điều 21, 262 Bộ luật TTDS năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Chị Th và anh S có 03 người con chung là Lê Nguyễn Minh H, sinh ngày 30/12/2004; cháu Lê Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 16/4/2007; cháu Nguyễn Thanh A, sinh ngày 01/01/2009, Cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu H1 và cháu A có nguyện vọng sống chung với mẹ vì từ nhỏ được mẹ thương yêu chăm sóc nhiều hơn, Chị Th cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Chị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Th khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn anh Lê Minh S. Do anh S có địa chỉ cư trú hiện nay tại phường X, thành phố L, tỉnh ĐN nên quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là “tranh chấp ly hôn, nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh S tự nguyện kết hôn vào năm 2004 tại UBND phường X, thị xã L, tỉnh ĐN, được công nhận là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn nhận thấy: Theo chị Th vợ chồng có quá nhiều mâu thuẫn do anh S không lo làm ăn, chỉ chơi bời. Mọi chi phí sinh hoạt trong nhà, con cái học hành đều do một mình chị lo lắng. Vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay. Bản thân anh S thừa nhận kinh tế vợ chồng mạnh ai nấy lo, anh có đi làm nhưng không thường xuyên, chỉ từ 01 tuần đến 10 ngày/tháng. Anh thừa nhận hơn 01 năm nay chị Th đã đưa 03 con chung về nhà mẹ ruột ở và vợ chồng ly thân. Tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn.

Xét lời trình bày của anh S nhận thấy: từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh không đến gặp chị Th để tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như thăm nom, chăm sóc các con, anh nại ra lý do chưa có tiền nên không đến gặp chị Th để hàn gắn. Xét lý do anh S nại ra không có căn cứ chấp nhận, vợ chồng anh chị không quan tâm, chăm sóc nhau trong một thời gian dài, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị Th ly hôn với anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Chị Th và anh S đều có yêu cầu được nuôi con chung là cháu Lê Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 16/4/2007 và Lê Nguyễn Thanh A, sinh ngày 01/01/2009, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Lê Nguyễn Minh H sinh ngày 30/12/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu.

Xét từ khi anh chị ly thân đến nay các con chung đều ở với chị Th, anh S không thực hiện nghĩa vụ người cha, không quan tâm, chăm sóc thăm nom con mà để mặc chị Th tự xoay sở. Các cháu H1 và A cũng có nguyện vọng sống với mẹ, bản thân anh S không có thu nhập ổn định, không đủ điều kiện để nuôi con chung nên chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cháu H1 và A cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Do chị Th không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; các điều 227, 228, 266, 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị Thanh Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh Th được ly hôn anh Lê Minh S.

- Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 16/4/2007 và Lê Nguyễn Thanh A, sinh ngày 01/01/2009 cho Nguyễn Thị Thanh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm thời chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh S và chị Th được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, anh S, chị Th được quyền yêu

cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006434 ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai
- VKSND TP. Long Khánh;
- Chi cục THADS TP. Long Khánh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Vân Khánh

[6] Về chi phí tố tụng: ngày 27/9/2018 nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 6.000.000 đồng tại Tòa án, nộp 3.000.000 đồng tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Khánh. Ngày 09/7/2019 nguyên đơn nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (lần 2) số tiền 5.000.000 đồng. Tòa án đã trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.005.000 đồng. Như vậy tổng số tiền nguyên đơn đã nộp là: 11.195.000 đồng.

Ngày 03/7/2019 bị đơn (do bà Nguyễn Thị Kim Trang nộp thay) nộp số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Tòa án đã trả cho bị đơn 200.000 đồng. Như vậy, số tiền bị đơn đã nộp là 4.800.000 đồng.

Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Tuy nhiên, do bị đơn không yêu cầu hoàn lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng nên không đặt ra xem xét. Các đương sự đã nộp xong.